

儿化韵

1. “没事儿，没事儿，他只是轻轻摔了一跤，没受伤。”
- A. méi shier C. méi shèr
B. méi shiér D. méi shir
2. “老爷爷坐在树下给几个小孩儿讲故事。”
- A. xiǎo hār C. xiǎo háiér
B. xiǎo hár D. xiǎo hái er
3. “大伙儿争先恐后地跳进了泳池里。”
- A. dà huěr C. dà huōer
B. dà huǒr D. dà huō er
4. 小妹妹快乐地唱着歌儿，蹦蹦跳跳地上学去了。
- A. gēr C. gē er
B. gēer D. gē ér
5. “你怎么把弟弟的汤匙儿藏起来了？”
- A. tāng chír C. tāng chir
B. tāng chér D. tāng chiér
6. 太棒了，爸爸要带我到电影院看电影儿！
- A. diàn yíer C. diàn yǐnger
B. diàn yǐngr D. diàn yǐng er